

Số: **50** /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 19 tháng 10 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 3)  
Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 807/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách ngân sách nhà nước từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 3) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông báo số 1122-TB/TU ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022;*



Xét Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-KTNS ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung, bố trí vốn đầu tư công năm 2022 theo quy định tại Điều 51, khoản 7 Điều 67 Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 2. Quyết định điều chỉnh, bổ sung (lần 3) Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022**

1. Bổ sung tổng nguồn Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022 từ 18.103.690 triệu đồng lên 20.397.093 triệu đồng (tăng 2.293.403 triệu đồng).

Trong đó:

a) Từ nguồn vượt thu ngân sách thành phố năm 2021: 551.403 triệu đồng;

b) Bổ sung nguồn đầu tư công từ số thường vượt dự toán thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và đầu tư trở lại theo cơ chế đặc thù năm 2021: 1.742.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022 cho các nhiệm vụ, dự án: 2.293.403 triệu đồng.

a) Phân cấp, bổ sung có mục tiêu cho các quận, huyện: 860.260 triệu đồng.

Trong đó:

- Bổ sung vốn đầu tư công trong hạn mức Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021-2025 phân cấp cho các quận, huyện (sẽ giảm trừ trong các năm 2023-2025): 505.260 triệu đồng;

- Bổ sung có mục tiêu (theo tiêu chí, định mức tại Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND, các địa phương có tăng thu ngân sách địa phương năm 2021 và khen thưởng huyện hoàn thành đúng tiến độ xây dựng huyện nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020): 295.000 triệu đồng;

- Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của thành phố: 60.000 triệu đồng.

b) Bổ sung cho Chương trình xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu:

345.000 triệu đồng.

c) Điều chỉnh, bổ sung vốn thực hiện các dự án đầu tư và chuẩn bị đầu tư



cho các dự án của thành phố: 1.088.143 triệu đồng.

Trong đó:

- Bổ sung từ điều chỉnh giảm vốn của các dự án không có nhu cầu và khả năng giải ngân trong năm 2022: 54.617 triệu đồng;
- Bổ sung vốn thực hiện các dự án đầu tư: 1.135.520 triệu đồng;
- Bổ sung vốn các dự án chuẩn bị đầu tư: 7.240 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II, III, IV, V)

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022 đúng các quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về hồ sơ, tính chính xác số liệu của các dự án; bảo đảm giải ngân hết số vốn được bố trí bổ sung theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVI, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 13 tháng 10 năm 2022./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn Đại biểu QH TP;
- Ủy ban MTTQVNTP;
- Đại biểu HĐNDTP khoá XVI;
- Các VP: TU, ĐDBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TTHĐND, UBND các quận, huyện;
- Công báo HP, Cổng TTĐTTP;
- Báo HP, Đài PT và TH HP
- Các CV ĐDBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.



**Phạm Văn Lập**



**PHỤ LỤC I: TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**  
 (Kèm theo Nghị quyết số **50**/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2022  
 của Hội đồng nhân dân thành phố)



Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Năm 2022		
		Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/Giảm
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG</b>	<b>18.103.690</b>	<b>20.397.093</b>	<b>2.293.403</b>
<b>I</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>1.288.152</b>	<b>1.288.152</b>	<b>0</b>
1	Vốn trong nước	1.108.990	1.108.990	0
2	Vốn nước ngoài	179.162	179.162	0
	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>	<b>16.815.538</b>	<b>19.108.941</b>	<b>2.293.403</b>
1	Nguồn vốn đầu tư công cân đối trong năm kế hoạch (bao gồm cả nguồn vốn vay)	16.815.538	16.815.538	0
-	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	4.703.538	4.703.538	0
+	<i>Trong đó: Nguồn thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực cửa khẩu cảng biển</i>	<i>1.170.000</i>	<i>1.170.000</i>	<i>0</i>
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất	9.350.000	9.350.000	0
-	Nguồn xổ số kiến thiết	39.000	39.000	0
-	Vốn vay, bao gồm:	2.723.000	2.723.000	0
+	<i>Trái phiếu chính quyền địa phương</i>	<i>2.710.500</i>	<i>2.710.500</i>	<i>0</i>
+	<i>Vay lại ODA</i>	<i>12.500</i>	<i>12.500</i>	<i>0</i>
2	Nguồn vượt thu ngân sách thành phố năm 2021		551.403	551.403
3	Bổ sung nguồn đầu tư công từ số thường vượt dự toán thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và đầu tư trở lại theo cơ chế đặc thù năm 2021		1.742.000	1.742.000



## PHỤ LỤC II: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số **50** /NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Năm 2022			Ghi chú
		Nghị quyết số 21/NQ-HĐND, 20/7/2022	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/Giảm	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>18.103.690</b>	<b>20.397.093</b>	<b>2.293.403</b>	
<b>I</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>1.288.152</b>	<b>1.288.152</b>	<b>0</b>	
1	Vốn trong nước	1.108.990	1.108.990	0	
2	Vốn nước ngoài	179.162	179.162	0	
<b>II</b>	<b>NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA THÀNH PHỐ</b>	<b>16.815.538</b>	<b>19.108.941</b>	<b>2.293.403</b>	
1	Ghi thu ghi chi tiền đất	1.500.000	1.500.000	0	
2	Bổ sung có mục tiêu cho các quận, huyện	2.831.118	3.691.378	860.260.000	
2.1	<i>Bổ sung vốn đầu tư công trong hạn mức Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 phân cấp cho các quận, huyện (sẽ giảm trừ trong các năm 2023 - 2025)</i>	<i>1.617.831</i>	<i>2.123.091</i>	<i>505.260</i>	<i>Phụ lục IV</i>
2.2	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền đất của các quận, huyện</i>	<i>1.213.287</i>	<i>1.213.287</i>	<i>0</i>	
2.3	<i>Bổ sung có mục tiêu (theo tiêu chí, định mức tại Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND, các địa phương có tăng thu ngân sách địa phương năm 2021 và khen thưởng địa phương hoàn thành đúng tiến độ xây dựng huyện nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020)</i>		<i>295.000</i>	<i>295.000</i>	<i>Phụ lục IV</i>
2.4	<i>Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của thành phố</i>		<i>60.000</i>	<i>60.000</i>	
-	<i>Huyện Vĩnh Bảo</i>		<i>30.000</i>	<i>30.000</i>	
-	<i>Quận Hồng Bàng</i>		<i>30.000</i>	<i>30.000</i>	
3	Chương trình Xây dựng các công viên, vườn hoa, cây xanh	105.000	105.000	0	
4	Chương trình Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu	2.626.199	2.971.199	345.000	<i>Phụ lục V</i>
5	Công tác quy hoạch	30.000	30.000	0	
6	Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng	99.240	99.240	0	
7	Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách	10.000	10.000	0	
-	<i>Quỹ hỗ trợ nông dân trực thuộc Hội Nông dân thành phố Hải Phòng</i>	<i>5.000</i>	<i>5.000</i>	<i>0</i>	
-	<i>Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển thành phố Hải Phòng thuộc Hội liên hiệp Phụ nữ thành phố Hải Phòng</i>	<i>5.000</i>	<i>5.000</i>	<i>0</i>	
<b>8</b>	<b>Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn thực hiện các dự án và chuẩn bị đầu tư cho các dự án của thành phố</b>	<b>9.613.981</b>	<b>10.702.124</b>	<b>1.088.143,000</b>	
8.1	<i>Vay lại ODA</i>	<i>12.500</i>	<i>12.500</i>		
8.2	<i>Các dự án khác</i>	<i>9.601.481</i>	<i>10.689.624</i>	<i>1.088.143</i>	<i>Phụ lục III</i>

**PHỤ LỤC III: PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CHO CÁC DỰ ÁN**  
**BẢNG 1: CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN VÀ BỔ SUNG VỐN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

Stt	Số dự án	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021		Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn NSTP			Ghi chú	
		Số QĐ/NQ, ngày tháng năm ban hành	TMDT / Giá trị dự toán		Tổng số	Trong đó: NSTP	NQ số 66/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; số 02NQ-HĐND ngày 12/4/2022; số 21/NQ-HĐND ngày 20/7/2022.	Điều chỉnh kỳ này		Tăng/Giảm
			Tổng số	Trong đó: NSTP						
<b>A</b>	<b>CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN</b>		<b>851.789,808</b>	<b>851.789,808</b>	<b>487.812,225</b>	<b>487.812,225</b>	<b>189.010,000</b>	<b>134.393,000</b>	<b>-54.617,000</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp</b>		<b>851.789,808</b>	<b>851.789,808</b>	<b>487.812,225</b>	<b>487.812,225</b>	<b>189.010,000</b>	<b>134.393,000</b>	<b>-54.617,000</b>	
1	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố	1857/QĐ-UBND ngày 06/9/2016; 3987/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	139.025,000	139.025,000	93.688,877	93.688,877	5.267,000	1.649,000	-3.618,000	
2	Dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp vỉa hè, kè đá sông đảo Hạ Lý đường Lán Bè, đoạn từ cầu An Dương đến cầu An Đồng	2678/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 3497/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	61.723,691	61.723,691	7.000,000	7.000,000	23.000,000		-23.000,000	
3	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại A51 (tổ 24, 26, 27) phường Vĩnh Niệm quận Lê Chân	2851/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1564/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	260.314,741	260.314,741	192.191,485	192.191,485	15.743,000	6.788,000	-8.955,000	
4	Dự án Đầu tư xây dựng khu tái định cư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2 tại phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền	50/QĐ-UBND, 11/01/2012; 54/QĐ-UBND, 12/01/2015; 3885/QĐ-UBND 24/12/2021	321.565,808	321.565,808	161.687,949	161.687,949	120.000,000	105.500,000	-14.500,000	
5	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư dự án đầu tư xây dựng đường Đông Khê 2 tại phường Đông Khê	564/QĐ-UBND ngày 14/03/2017; 2591/QĐ-UBND ngày 31/8/2020	69.160,568	69.160,568	33.243,914	33.243,914	25.000,000	20.456,000	-4.544,000	
<b>B</b>	<b>CÁC DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐỂ THỰC HIỆN</b>		<b>17.918.647,404</b>	<b>13.706.060,190</b>	<b>9.186.525,209</b>	<b>5.570.624,593</b>	<b>1.076.808,205</b>	<b>2.212.328,205</b>	<b>1.135.520,000</b>	
<b>1</b>	<b>Hoàn trả vay ứng ngân sách trung ương</b>		<b>5.689.208,000</b>	<b>1.927.748,000</b>	<b>5.183.100,479</b>	<b>1.793.895,863</b>	<b>8.500,000</b>	<b>402.926,582</b>	<b>394.426,582</b>	



Stt	Số dự án	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư TMDT / Giá trị dự toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021		Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn NSTP			Ghi chú	
		Số QĐ/NQ, ngày tháng năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP	NQ số 66/NQ-HDND ngày 10/12/2021; số 02NQ-HDND ngày 12/4/2022; số 21/NQ- HDND ngày 20/7/2022.	Điều chỉnh kỳ này		Tăng/Giảm
1	Dự án Phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng và các dự án tái định cư, dự án thành phần, trong đó		5.689.208,000	1.927.748,000			8.500,000	402.926,582	394.426,582	
-	Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng sử dụng vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới	199/QĐ-UBND ngày 30/01/2011; 1242/QĐ-UBND ngày 01/7/2016; 3043/QĐ-UBND ngày 07/12/2016; 1844/QĐ-UBND ngày 07/8/2018; 3474/QĐ-UBND ngày 17/11/2020	4.905.225,0	1.490.911,5			-	313.942,762	313.942,762	Nhu cầu bố trí để hoàn trả theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Hội nghị (Công văn số 367/KV VI-TH, 12/8/2022) và yêu cầu của Kho bạc Nhà nước tại Công văn số 510/KBHP-KSC, 15/3/2022
-	Dự án đầu tư xây dựng các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án phát triển giao thông đô thị Hải Phòng	200/QĐ-UBND ngày 30/01/2011; 916/QĐ-UBND ngày 23/5/2013; 100/QĐ-UBND ngày 14/01/2015; 2924/QĐ-UBND ngày 29/12/2015; 3330/QĐ-UBND ngày 28/12/2016; 1865/QĐ-UBND ngày 07/9/2016; 1728/QĐ-UBND ngày 06/7/2017; 3259/QĐ-UBND ngày 12/12/2018; 3903/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	699.880,0	352.753,0			-	80.483,820	80.483,820	
II	Dự án được phê duyệt quyết toán		125.030,289	6.167,075	124.363,214	124.363,214		667,075	667,075	

Stt	Số dự án	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021		Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn NSTP			Ghi chú		
		TMDT / Giá trị dự toán		Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP	Điều chỉnh kỳ này		Tăng/Giảm	
		Số QĐ/NQ, ngày tháng năm ban hành	Tổng số								Trong đó: NSTP
1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Sở Tài chính thành phố Hải Phòng	628/QĐ-UBND ngày 26/3/2015; 19/QĐ-STC ngày 31/8/2022	125.030,289	6.167,075	124.363,214	124.363,214		667,075	667,075		
<b>III</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp</b>		<b>5.531.711,683</b>	<b>5.289.447,683</b>	<b>3.877.561,516</b>	<b>3.650.865,516</b>	<b>255.685,000</b>	<b>633.385,000</b>	<b>377.700,000</b>		
1	Dự án đầu tư chỉnh trang lại sông Tam Bạc đoạn từ cầu Lạc Long đến công viên Tam Bạc	2911/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 584/QĐ-UBND ngày 26/2/2021; 2360/QĐ-UBND ngày 25/12/2021	1.454.349,000	1.454.349,000	1.157.199,299	1.157.199,299	-	120.000,000	120.000,000	Dự án hoàn thành năm 2022	
2	Dự án thành phần xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ di chuyển các đơn vị Hải quân thuộc Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Khu bay - Cảng hàng không quốc tế Cát Bi	847/QĐ-UBND, 24/5/2016; 887/QĐ-UBND, 30/3/2020; 2271/QĐ-UBND, 13/7/2022	656.345,765	656.345,765	216.307,849	216.307,849		145.000,000	145.000,000	Dự án chuyển tiếp	
3	Dự án đầu tư cải tạo tuyến đường từ cầu Lạng Am đến cầu Nhân Mục huyện Vĩnh Bảo	2671/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 2779/QĐ-UBND ngày 26/10/2018; 1690/QĐ-UBND ngày 19/6/2020; 1235/QĐ-BQL ngày 22/7/2020; 1883/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	1.290.947,000	1.290.947,000	1.090.855,000	1.090.855,000		25.000,000	25.000,000	Dự án đã hoàn thành	
4	Dự án cải tạo, nâng cấp đường Ngô Gia Tự (đoạn từ công sân bay cũ đến đường liên phường), quận Hải An	2857/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1030/QĐ-UBND ngày 20/4/2020; 1816/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	242.529,984	242.529,984	137.355,523	137.355,523		35.000,000	50.700,000	15.700,000	Dự án hoàn thành năm 2022

Stt	Số dự án	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư TMDT / Giá trị dự toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021		Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn NSTP			Ghi chú	
		Số QĐ/NQ, ngày tháng năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP	NQ số 66/NQ-HDND ngày 10/12/2021; số 02NQ-HDND ngày 12/4/2022; số 21/NQ- HDND ngày 20/7/2022.	Điều chỉnh kỳ này		Tăng/Giảm
5	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư tại khu đất 9,2ha tại phường Thành Tô, quận Hải An	1655/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	138.552,000	138.552,000	51.940,000	51.940,000	39.000,000	45.200,000	6.200,000	Dự án hoàn thành năm 2022
6	Dự án Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường Máng Nước (từ ngã tư đường Tôn Đức Thắng - Quốc lộ 5 đến đường tỉnh 351), huyện An Dương	908/QĐ-UBND ngày 04/4/2021; 1163/QĐ-UBND ngày 18/4/2022; 1022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022	359.816,939	359.816,939	201.180,000	201.180,000	112.017,000	125.317,000	13.300,000	Dự án hoàn thành năm 2022
7	Dự án đầu tư xây dựng cầu Quang Thanh	2661/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 3876/QĐ-UBND ngày 24/12/2020; 2744/QĐ-UBND ngày 23/9/2021; 311/QĐ-SGTVT ngày 14/4/2020	398.600,000	239.304,000	309.643,496	152.947,496	0,000	14.200,000	14.200,000	Dự án đã hoàn thành
8	Dự án đầu tư xây dựng cầu Dinh	2660/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 3877/QĐ-UBND ngày 24/12/2020; 310/QĐ-SGTVT ngày 14/4/2020	269.439,947	186.471,947	188.900,351	118.900,351	5.300,000	18.000,000	12.700,000	Dự án đã hoàn thành
9	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục đô thị nối đường liên phường với đường 356 (giai đoạn II tuyến đường liên phường) quận Hải An	2855/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 3892/QĐ-UBND ngày 25/12/2020; 2175/QĐ-SXD ngày 31/12/2020	282.574,052	282.574,052	240.030,000	240.030,000		9.000,000	9.000,000	Dự án hoàn thành năm 2022

Stt	Số dự án	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư TMDT / Giá trị dự toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021		Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn NSTP			Ghi chú	
		Số QĐ/NQ, ngày tháng năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP	NQ số 66/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; số 02NQ-HĐND ngày 12/4/2022; số 21/NQ- HĐND ngày 20/7/2022.	Điều chỉnh kỳ này		Tăng/Giảm
10	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp trụ sở Công an thành phố Hải Phòng	2904/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 2596/QĐ-UBND ngày 08/10/2018; 575/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	165.906,996	165.906,996	98.727,092	98.727,092	34.000,000	43.300,000	9.300,000	Dự án hoàn thành năm 2022
11	Dự án đóng mới tàu chữa cháy và cứu nạn cứu hộ trên sông, biển	2846/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	199.742,000	199.742,000	150.322,906	150.322,906	9.000,000	12.800,000	3.800,000	Dự án hoàn thành năm 2022
12	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Hải Phòng Sakura Golf Club tại huyện An Lão	2926/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	72.908,000	72.908,000	35.100,000	35.100,000	21.368,000	24.868,000	3.500,000	Dự án hoàn thành năm 2022
<b>IV</b>	<b>Các dự án khởi công mới</b>		<b>6.572.697,432</b>	<b>6.482.697,432</b>	<b>1.500,000</b>	<b>1.500,000</b>	<b>812.623,205</b>	<b>1.175.349,548</b>	<b>362.726,343</b>	
1	Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng nâng cao năng lực cơ sở trợ giúp xã hội thành phố Hải Phòng	2282/QĐ-UBND ngày 13/7/2022; 3057/QĐ-UBND ngày 20/9/2022	98.203,000	8.203,000			65,000	8.203,000	8.138,000	
2	Xây dựng đường Đỗ Mười kéo dài đến đường trục VSIP và phát triển đô thị vùng phụ cận	2262/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1.066.840,000	1.066.840,000			482.158,205	701.746,548	219.588,343	
3	Xây dựng công trình Trung tâm Chính trị - Hành chính thành phố, hệ thống giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cấm	3103/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	2.513.243,000	2.513.243,000			26.000,000	66.000,000	40.000,000	
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Hội nghị - Biểu diễn thành phố và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cấm	3104/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	2.336.896,000	2.336.896,000			24.400,000	59.400,000	35.000,000	



Stt	Số dự án	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư TMDT / Giá trị dự toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021		Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn NSTP			Ghi chú	
		Số QĐ/NQ, ngày tháng năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP	NQ số 66/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; số 02NQ-HĐND ngày 12/4/2022; số 21/NQ- HĐND ngày 20/7/2022.	Điều chỉnh kỳ này		Tăng/Giảm
5	Dự án chỉnh trang sông Tam Bạc đoạn từ cầu Lạc Long đến cầu Hoàng Văn Thụ	702/QĐ-UBND ngày 04/3/2022	557.515,432	557.515,432	1.500,000	1.500,000	280.000,000	340.000,000	60.000,000	

**PHỤ LỤC III (TIẾP): PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CHO CÁC DỰ ÁN**  
**BẢNG 2: CÁC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Nghị quyết số **50**/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Số dự án	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		QĐ phê duyệt dự toán CBĐT		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021		Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn NSTP		Ghi chú		
		Số QĐ/NQ, ngày tháng năm ban hành	TMDT / Giá trị dự toán		Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	TMDT / Giá trị dự toán		Tổng số	Trong đó: NSTP		Điều chỉnh kỳ này	Tăng/Giảm
			Tổng số	Trong đó: NSTP		Tổng số	Trong đó: NSTP					
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>1.498.127,113</b>	<b>1.498.127,113</b>		<b>17.874,262</b>	<b>17.874,262</b>			<b>7.240,000</b>	<b>7.240,000</b>	
1	Dự án đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống lan can bảo vệ dọc tuyến mương hở thoát nước và hồ điều hoà trên địa bàn các quận trung tâm thành phố	32/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	69.283.628	69.283.628	120/QĐ-KHĐT ngày 24/6/2022	999,368	999,368			800,000	800,000	
2	Dự án đường nối đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông, quận Kiến An	33/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	189.312,000	189.312,000	136/QĐ-KHĐT ngày 22/7/2022	1.248,625	1.248,625			500,000	500,000	
3	Dự án đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc Khu đô thị mới Bắc sông Cấm				3410/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	8.416,832	8.416,832	6.280,274	6.280,274	950,000	950,000	
4	Dự án xây dựng khu tái định cư và chỉnh trang đô thị tại khu vực ngõ 226 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền	42/NQ-HĐND ngày 29/8/2022	440.283,000	440.283,000	105/QĐ-KHĐT ngày 31/5/2022	2.606,932	2.606,932			1.200,000	1.200,000	
5	Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Hợp Đức, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn	37/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	121.546,097	121.546,097	186/QĐ-KHĐT ngày 14/9/2022	913,228	913,228			500,000	500,000	
6	Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Thương Đức, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn	38/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	70.670,963	70.670,963	187/QĐ-KHĐT ngày 14/9/2022	743,604	743,604			500,000	500,000	
7	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư tại xã Tiên Thanh, huyện Tiên Lãng	45/NQ-HĐND ngày 29/8/2022	341.926,600	341.926,600	137/QĐ-KHĐT ngày 22/7/2022	1.653,979	1.653,979			1.320,000	1.320,000	
8	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Hải Phong đoạn từ 353 đến ngã tư Hải Phong, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh	35/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	149.258,825	149.258,825	182/QĐ-KHĐT ngày 13/9/2022	864,181	864,181			690,000	690,000	
9	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục Đại Thắng (đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến tuyến kết nối với đường vào khu tái định cư, mặt cắt ngang đường 25m), phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh	34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	115.846,000	115.846,000	183/QĐ-KHĐT ngày 13/9/2022	427,513	427,513			330,000	330,000	



Stt	Số dự án	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		QĐ phê duyệt dự toán CBT			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021		Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn NSTP		Ghi chú	
		Số QĐ/NQ, ngày tháng năm ban hành	TMDT / Giá trị dự toán		Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	TMDT / Giá trị dự toán		Tổng số	Trong đó: NSTP	Điều chỉnh kỳ này		Tăng/Giảm
			Tổng số	Trong đó: NSTP		Tổng số	Trong đó: NSTP					
10	Chương trình đầu tư xây dựng các công viên, vườn hoa, cây xanh trên địa bàn các quận giai đoạn 2021-2025	06/NQ-HĐND ngày 12/4/2022	2.631.000,000	2.126.000,000	1842/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	456,167	456,167			450,000	450,000	





**PHỤ LỤC IV: BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC QUẬN, HUYỆN NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số **50** /NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Quận, huyện	Vốn bổ sung có mục tiêu năm 2022 theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Tổng số	Bổ sung có mục tiêu năm 2022 cho các quận, huyện (kỳ này)				Bổ sung vốn đầu tư công trong hạn mức Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 phân cấp cho các quận, huyện (sẽ giảm trừ trong các năm 2023 - 2025)
				Bổ sung có mục tiêu (theo tiêu chí, định mức tại Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND, các địa phương có tăng thu ngân sách địa phương năm 2021 và khen thưởng địa phương hoàn thành đúng tiến độ xây dựng huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025)				
				Tổng số	Theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức tại Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND	Các địa phương có tăng thu ngân sách địa phương năm 2021	Khen thưởng huyện hoàn thành đúng tiến độ xây dựng huyện nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020	
1	Quận Hồng Bàng	68.351	<b>66.600</b>	29.400	10.300	19.100		37.200
2	Quận Ngô Quyền	83.369	<b>30.000</b>	15.900	12.600	3.300		14.100
3	Quận Lê Chân	91.578	<b>36.800</b>	23.400	13.800	9.600		13.400
4	Quận Hải An	72.777	<b>30.000</b>	13.500	11.000	2.500		16.500
5	Quận Kiến An	110.292	<b>16.850</b>	16.850	16.700	150		
6	Quận Đồ Sơn	105.944	<b>57.960</b>	16.160	16.000	160		41.800
7	Quận Dương Kinh	95.882	<b>19.940</b>	15.540	14.500	1.040		4.400
8	Huyện An Dương	133.866	<b>136.640</b>	26.040	20.200	5.840		110.600
9	Huyện An Lão	112.718	<b>72.380</b>	17.320	17.000	320		55.060
10	Huyện Thủy Nguyên	178.950	<b>101.190</b>	28.190	27.100	1.090		73.000
11	Huyện Kiến Thụy	130.744	<b>41.970</b>	20.370	19.800	570		21.600
12	Huyện Tiên Lãng	132.119	<b>100.020</b>	20.220	20.000	220		79.800
13	Huyện Vĩnh Bảo	144.084	<b>50.000</b>	21.800	21.800	0		28.200
14	Huyện Cát Hải	122.983	<b>39.910</b>	30.310	18.600	1.710	10.000	9.600
15	Bạch Long Vĩ	34.175	<b>0</b>	0	0	0		
	<b>Tổng số</b>	<b>1.617.831</b>	<b>800.260</b>	<b>295.000</b>	<b>239.400</b>	<b>45.600</b>	<b>10.000</b>	<b>505.260</b>

**PHỤ LỤC V: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**

**XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU**

(Kèm theo Nghị quyết số **50** /NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2022

của Hội đồng nhân dân thành phố)



Đơn vị: Triệu đồng

Kế hoạch đầu tư công năm 2022						
STT	Tên đơn vị	Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 10/12/2021			Điều chỉnh kỳ này Tổng 49 xã thực hiện từ năm 2021 và 2022	Tăng/Giảm (+/-)
		Tổng	Bao gồm:			
			14 xã thực hiện từ năm 2021	35 xã thực hiện từ năm 2022		
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.626.199,00</b>	<b>1.226.199,00</b>	<b>1.400.000,00</b>	<b>2.971.199,00</b>	<b>345.000,00</b>
1	Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng	<b>335.200,00</b>	<b>175.200,00</b>	<b>160.000,00</b>	<b>361.400,00</b>	<b>26.200,00</b>
			Xã Cấp Tiến	Xã Toàn Thắng		
			Xã Tiên Thắng	Xã Quang Phục		
			Xã Đoàn Lập	Xã Quyết Tiến		
2	Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy	<b>247.600,00</b>	<b>87.600,00</b>	<b>160.000,00</b>	<b>273.800,00</b>	<b>26.200,00</b>
			Xã Thanh Sơn	Xã Minh Tân		
				Xã Đại Đồng		
				Xã Tân Trào		
3	Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải	<b>200.000,00</b>	<b>0,00</b>	<b>200.000,00</b>	<b>200.000,00</b>	<b>0,00</b>
				Xã Trân Châu		
				Xã Phù Long		
				Xã Hiền Hào		
4	Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo	<b>455.200,00</b>	<b>175.200,00</b>	<b>280.000,00</b>	<b>501.050,00</b>	<b>45.850,00</b>
			Xã Tam Đa	Xã Nhân Hòa		
			Xã Hòa Bình	Xã Hiệp Hòa		
				Xã Lý Học		
5	Ủy ban nhân dân huyện An Dương	<b>422.800,00</b>	<b>262.800,00</b>	<b>160.000,00</b>	<b>572.800,00</b>	<b>150.000,00</b>
			Xã An Hòa	Xã Hồng Thái		
			Xã Quốc Tuấn	Xã An Hồng		
			Xã Đặng Cương	Xã Hồng Phong		
6	Ủy ban nhân dân huyện An Lão	<b>207.600,00</b>	<b>87.600,00</b>	<b>120.000,00</b>	<b>227.250,00</b>	<b>19.650,00</b>
			Xã Chiến Thắng	Xã An Thắng		
				Xã Bát Trang		
				Xã An Tiến		
7	Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên	<b>757.799,00</b>	<b>437.799,00</b>	<b>320.000,00</b>	<b>834.899,00</b>	<b>77.100,00</b>
			Xã Kênh Giang	Xã Lại Xuân		
			Xã Liên Khê	Xã Kỳ Sơn		
			Xã Hòa Bình	Xã An Sơn		
			Xã Lưu Kiếm	Xã Phù Ninh		
			Xã Thủy Đường	Xã Chính Mỹ		
		Xã Cao Nhân				
			Xã Hợp Thành			
			Xã Minh Tân			